



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2019

Tháng 10 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3,822,368,131,566	4,330,671,814,214
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	895,528,501,893	1,038,281,209,462
1. Tiền	111		301,844,159,828	348,751,510,692
2. Các khoản tương đương tiền	112		593,684,342,065	689,529,698,770
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24,923,300,940	28,011,800,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		186,138	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			(136,938)	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24,923,251,740	28,011,800,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,767,098,073,891	1,847,136,673,354
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1,557,362,405,930	1,602,337,603,339
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		175,952,663,499	193,713,174,336
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		200,720,331,556	187,633,232,862
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(166,937,327,094)	(136,547,337,183)
IV. Hàng tồn kho	140	6	916,696,289,696	1,005,806,038,013
1. Hàng tồn kho	141		937,780,447,317	1,034,126,786,928
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21,084,157,621)	(28,320,748,915)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		218,121,965,146	411,436,093,385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14,961,288,857	8,522,285,940
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		200,288,563,922	400,786,975,549
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,872,112,367	2,126,831,896
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		1,243,280,402,182	1,232,389,760,023
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31,146,657,691	8,162,504,752
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		941,130,000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		30,205,527,691	8,162,504,752
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
I. Tài sản cố định	220		193,099,596,134	190,496,727,093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	84,341,302,432	87,993,861,420
- Nguyên giá	222		334,980,395,725	327,863,935,080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250,639,093,293)	(239,870,073,660)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	108,758,293,702	102,502,865,673
- Nguyên giá	228		113,375,783,179	106,860,184,632
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,617,489,477)	(4,357,318,959)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		38,518,494,154	38,512,494,154
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	38,518,494,154	38,512,494,154
III. Bất động sản đầu tư	240		727,360,848,014	758,428,814,929
- Nguyên giá	241		858,194,158,578	858,194,158,578
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(130,833,310,564)	(99,765,343,649)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		42,371,044,092	22,705,237,055
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	31,317,685,305	15,474,289,268
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	30,006,800,000	28,910,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22,160,000,000)	(22,160,000,000)
4. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	255		3,206,558,787	480,947,787
V. Tài sản dài hạn khác	260		210,783,762,097	214,083,982,040
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	199,688,488,972	198,530,067,519
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			3,310,854,521
3. Lợi thế thương mại	269		11,095,273,125	12,243,060,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5,065,648,533,748	5,563,061,574,237


Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 24 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			30/09/2019	31/12/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,436,327,136,087	3,942,652,024,730
I. Nợ ngắn hạn	310		3,097,249,109,077	3,557,079,155,532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,288,469,595,258	1,428,095,256,213
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		107,546,229,694	89,349,766,737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	29,780,860,376	29,801,737,904
4. Phải trả người lao động	314		74,759,326,024	81,425,763,820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		56,038,768,896	28,345,497,684
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		27,860,993,264	31,870,171,186
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		245,620,346,472	179,413,912,692
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14a	1,190,679,516,618	1,614,290,757,720
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		76,493,472,475	74,486,291,576
II. Nợ dài hạn	330		339,078,027,010	385,572,869,198
1. Phải trả người bán dài hạn			157,018,269	
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	332		27,272,727,299	47,727,272,747
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	14b	257,949,810,267	279,910,424,775
4. Phải trả dài hạn khác	337		50,398,471,175	54,635,171,676
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3,300,000,000	3,300,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,629,321,397,661	1,620,409,549,507
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	1,629,321,397,661	1,620,409,549,507
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		866,001,240,000	866,001,240,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		133,918,052,614	133,918,052,614
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		131,776,000,000	90,820,087,775
4. Cổ phiếu quỹ	415		(50,118,432,974)	(50,118,432,974)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		272,167,291,300	172,453,174,126
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103,546,264,538	264,287,335,590
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17,280,096,387	200,269,009,711
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		86,266,168,151	64,018,325,879
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	17	172,030,982,183	143,048,092,376
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5,065,648,533,748	5,563,061,574,237


Phạm Thị Ninh
 Người lập biểu
 Ngày 29 tháng 10 năm 2019


Nguyễn Thị Thanh
 Kế toán trưởng


Phùng Tuấn Hà
 Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

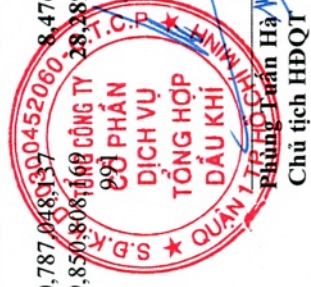
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế	
			Năm 2019	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,554,732,717,030	7,479,065,359,267	3,241,801,684,557	8,185,573,068,850
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		36,425,644,297	96,978,862,588	42,820,901,875	113,196,808,743
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,518,307,072,733	7,382,086,496,679	3,198,980,782,682	8,072,376,260,107
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2,348,558,159,715	6,901,569,860,169	3,025,526,957,700	7,545,378,149,837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		169,748,913,018	480,516,636,510	173,453,824,982	526,998,110,270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	9,711,683,186	27,958,425,088	13,892,977,946	53,287,756,430
7. Chi phí tài chính	22	19	22,269,859,884	59,147,877,093	26,122,219,572	76,276,196,148
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17,898,647,924	52,546,378,275	20,506,725,822	68,115,436,596
8. Lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45		191,678,584	(156,603,963)	-634,240,880	-495,300,858
9. Chi phí bán hàng	24		60,363,732,184	173,969,813,215	63,051,528,099	194,838,816,344
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		71,003,838,906	150,368,330,650	51,826,185,567	170,181,921,843
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26,014,843,814	124,832,436,677	45,712,628,809	138,493,631,508
12. Thu nhập khác	31		44,364,478,307	49,697,946,609	2,995,216,015	10,837,613,419
13. Chi phí khác	32		25,486,872,991	26,968,407,058	383,037,166	5,620,006,062
14. Lợi nhuận khác	40		18,877,605,316	22,729,539,551	2,612,178,849	5,217,607,357

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Trong đó:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát
 Lợi ích cổ đông của Tổng Công ty
 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

50	44,892,449,130	147,561,976,228	48,324,807,658	143,711,238,865
51	14,861,508,058	33,613,265,401	11,558,764,174	35,523,136,145
52	-	3,310,854,521	-	-
60	30,030,941,072	110,637,856,306	36,766,043,484	108,188,102,720
62	2,847,272,172	20,787,048,337	8,476,284,374	15,504,399,418
61	27,183,668,900	89,850,808,169	28,289,759,110	92,683,703,302
70	320	320	328	1,059



(Handwritten signature)

Phạm Thị Ninh
 Người lập biểu
 Ngày 29 tháng 10 năm 2019

Nguyễn Thị Thanh
 Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
 Chủ tịch HĐQT


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo


MẪU SỐ B 09-DN/HN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 30/9/2019	Tại ngày 30/9/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	147,561,976,228	143,711,238,865
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	51,609,055,544	43,527,468,709
Các khoản dự phòng	03	23,153,398,617	38,336,998,477
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04		-
Chi phí lãi vay	05	(58,765,201,735)	(43,096,857,465)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	06	216,105,606,929	250,594,285,181
	08		
Biến động các khoản phải thu	09	238,061,542,599	19,823,634,466
Biến động hàng tồn kho	10	96,346,339,611	(287,795,076,963)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thu)	11	(53,761,903,432)	317,829,748,367
Biến động chi phí trả trước	12	(7,597,424,370)	9,256,200,296
Tiền lãi vay đã trả	13	(54,244,822,768)	(68,115,436,596)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38,850,854,537)	(35,968,758,675)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6,757,301,302)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	389,301,182,730	205,624,596,076
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31,186,930,619)	(65,573,714,909)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	41,442,272,727	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,725,611,000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16,096,800,000)	-
Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,056,016,226	43,096,857,465
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	10,488,947,334	-22,476,857,444
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	3,400,000,000	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-14,595,110,632
Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3,770,567,881,318	4,216,475,867,986
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,221,846,062,996)	(4,281,546,924,678)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(94,664,655,955)	-103,920,148,800
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(542,542,837,633)	(183,586,316,124)
	50	(142,752,707,569)	(438,577,492)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	1,038,281,209,462	1,342,345,339,986
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	895,528,501,893	1,341,906,762,494
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		


Phạm Thị Ninh
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 10 năm 2019


Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng


Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 15 số 0300452060 ngày 21 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày cuối kỳ là 2.519 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.450 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD. Quảng cáo, hoạt động của các cơ sở thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 30/6/2019, Tổng Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp và 2 công ty liên doanh liên kết.

Chi tiết của 11 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết trực tiếp được trình bày ở thuyết minh 11,12. Chi tiết 4 công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập đăng ký kinh doanh	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần điện tử Điện lạnh Bình Minh (Bình Minh)	TP Hồ Chí Minh	40.81	51	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện
2	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dầu Khí Nha Trang ("Nha Trang PTS")	Nha Trang	99.79	100	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
3	Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Siêu trọng Petrosetco -Ale ("Petrosetco Ale")	TP Hồ Chí Minh	22.44	51	Vận tải và xếp dỡ cầu kiện siêu trường siêu trọng
4	Công ty CP Xuất nhập khẩu Công	TP Hồ Chí Minh	50	50	Cung cấp sản phẩm thiết bị vật tư y tế

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện Theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch HĐQT đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ/năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2018 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50
Máy móc, thiết bị	14,2 - 25
Phương tiện vận tải	14,2 - 25
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê văn phòng và tiền thuê kho trả trước. Chi phí này được ghi nhận Theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong đó chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các khoản trả trước tiền mua vô bình ga, chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng bao gồm:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Khoản trả trước tiền mua vô bình ga được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Bộ tài chính “ Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”

Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 24 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, Tổng Công ty tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
---------------------------	-----------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Tại ngày 30/09/2019</u>	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	9,274,298,107	6,239,434,885
Tiền gửi ngân hàng	292,569,861,721	342,512,075,807
Các khoản tương đương tiền	593,684,342,065	689,529,698,770
	<u>895,528,501,893</u>	<u>1,038,281,209,462</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Tại ngày 30/09/2019</u>	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam	20,160,000,000	20,160,000,000
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty Cổ phần Khí Công Nghiệp Dầu Khí Việt Hàn	7,846,800,000	6,750,000,000
	<u>30,006,800,000</u>	<u>28,910,000,000</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>Tại ngày 30/09/2019</u>	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>
	VND	VND
Bất động sản để bán	-	32,450,512,124
Hàng mua đang đi đường	60,168,007,958	118,592,796,571
Thành phẩm	3,829,018	
Nguyên liệu, vật liệu	2,082,771,759	1,351,239,429
Công cụ, dụng cụ	921,173,701	2,018,607,974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	439,158,005	439,158,002
Hàng hoá	811,728,957,798	816,565,961,532
Hàng gửi bán	62,436,549,078	62,708,511,296
Cộng	<u>937,780,447,317</u>	<u>1,034,126,786,928</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21,084,157,621)	(28,320,748,915)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>916,696,289,696</u>	<u>1,005,806,038,013</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2019	99,698,720,422	89,010,638,713	125,046,085,544	14,108,490,401	327,863,935,080
Mua trong năm	224,104,251	1,667,831,817	20,441,252,089	394,071,862	22,727,260,019
Giảm khác	-9,073,960,800	-2,686,544,103	(2,441,869,091)	(1,408,425,380)	(15,610,799,374)
Tại ngày 30/09/2019	90,848,863,873	87,991,926,427	143,045,468,542	13,094,136,883	334,980,395,725
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2019	61,215,381,454	73,169,522,383	92,238,658,016	13,246,511,807	239,870,073,660
Khấu hao trong năm	3,067,731,147	4,060,837,140	11,450,002,529	486,382,419	19,064,953,235
Thanh lý	-2,614,906,625	-2,190,434,292	(2,109,180,685)	(1,381,412,000)	(8,295,933,602)
Tại ngày 30/09/2019	61,668,205,976	75,039,925,231	101,579,479,860	12,351,482,226	250,639,093,293
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/09/2019	29,180,657,897	12,952,001,196	41,465,988,682	742,654,657	84,341,302,432
Tại ngày 1/1/2019	38,483,338,968	15,841,116,330	32,807,427,528	861,978,594	87,993,861,420

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2019	101,988,494,434	4,871,690,198	106,860,184,632
Tăng trong năm	8,200,800,000	258,870,600	8,459,670,600
Giảm khác/phân loại lại	-1,875,894,053	-68,178,000	-1,944,072,053
Tại ngày 30/09/2019	108,313,400,381	5,062,382,798	113,375,783,179
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2019	-	4,357,318,959	4,357,318,959
Khấu hao trong năm	56,950,000	271,398,518	328,348,518
Giảm khác	-	-68,178,000	-68,178,000
Tại ngày 30/09/2019	56,950,000	4,560,539,477	4,617,489,477
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2019	108,256,450,381	501,843,321	108,758,293,702
Tại ngày 1/1/2019	101,988,494,434	514,371,239	102,502,865,673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2019	6,120,000,000	852,074,158,578	858,194,158,578
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-
Giảm khác/phân loại lại	-	-	-
Tại ngày 30/09/2019	6,120,000,000	852,074,158,578	858,194,158,578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2019	2,198,213,790	97,567,129,859	99,765,343,649
Khấu hao trong năm	459,000,000	30,608,966,915	31,067,966,915
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 30/09/2019	2,657,213,790	128,176,096,774	130,833,310,564
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2019	3,462,786,210	723,898,061,804	727,360,848,014
Tại ngày 1/1/2019	3,921,786,210	754,507,028,719	758,428,814,929

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc liên quan đến khu nhà ở tại Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn được Công ty mẹ xây dựng và cho thuê.
- Quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất sở hữu bởi PSMT đang được sử dụng để làm trạm chiết nạp ga.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết theo công trình:

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
	VND	VND
Dự án Cape Pearl	37,509,649,278	37,503,649,278
Các công trình khác	1,008,844,876	1,008,844,876
	38,518,494,154	38,512,494,154
Biến động tăng, giảm		
	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	38,512,494,154	38,512,494,154
Tăng trong năm	6,000,000	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	38,518,494,154	38,512,494,154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

	30/09/2019	31/12/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần DV Phân phối Tổng hợp Dầu khí	113,600,000,000	113,600,000,000
Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Biển	31,681,662,678	31,681,662,678
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	64,341,999,232	64,341,999,232
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	74,742,000,000	74,742,000,000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	58,962,908,969	58,962,908,969
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	10,733,401,247	10,733,401,247
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	16,500,000,000	16,500,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	7,650,000,000	7,650,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	6,600,000,000	6,600,000,000
Công ty TNHH MTV DV Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG")	10,400,000,000	10,400,000,000
Công ty Cổ phần Phân phối SP Công nghệ cao Dầu khí	5,100,000,000	5,100,000,000
	400,311,972,126	400,311,972,126

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày cuối kỳ như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ	Hoạt động chính
			quyền biểu quyết nắm giữ	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	80.05%	80.05%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	60%	60%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	99.79%	99.79%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	71.46%	71.46%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	55%	55%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	Tp. HCM	44%	67%	Logistics
Công ty CP Vận tải và xếp dỡ cầu kiện siêu trường siêu trọng	Tp. HCM	51%	51%	Logistics
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	Tp. HCM	51%	51%	Phân phối thiết bị điện tử
Công ty TNHH MTV DV Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG")	Tp. HCM	100%	100%	Ngưng hoạt động và đang tiến hành giải thể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 31/12/2018	
	Giá gốc VND	Giá ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá ghi sổ VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14,359,957,249	15,317,685,305	14,359,957,249	15,474,289,268
Công ty TNHH Nghi Dưỡng Quốc tế				
Vịnh Hòa EMERALD BAY	16,000,000,000	16,000,000,000	-	-
	30,359,957,249	31,317,685,305	14,359,957,249	15,474,289,268

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày cuối kỳ như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng
Công ty TNHH Nghi Dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa EMERALD BAY	Phú Yên	20	20	Dịch vụ khách sạn nghi dưỡng

Theo nghị quyết số 22/DV-THDK -NQ ngày 9/07/2018 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã chấp nhận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghi Dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng số vốn góp 111.2 tỷ đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2019, Tổng công ty đã góp 16 tỷ đồng tương đương 14% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại ngày 30/09/2019 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	97,984,501,521	99,171,522,333
Chi phí trả trước dài hạn khác	101,703,987,451	99,358,545,186
	199,688,488,972	198,530,067,519

Bao gồm các khoản sau:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CÁC KHOẢN VAY

(a). Vay ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	231,542,891,916	209,290,236,950
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2,006,791,040	11,917,055,159
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	75,064,369,641	434,735,344,254
Ngân hàng TMCP Á Châu	28,808,391,880	28,572,727,562
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	332,766,318,420	391,201,759,866
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam		407,904,543,961
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	488,152,303,721	48,669,089,968
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	28,000,000,000	82,000,000,000
Vay cá nhân	4,338,450,000	
	1,190,679,516,618	1,614,290,757,720

(b). Vay dài hạn (ii)

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
Ngân hàng TMCP Á Châu	257,949,810,267	279,910,424,775

(i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận.

(ii) Khoản vay với ngân hàng TMCP Á Châu có hạn mức tín dụng 400 tỷ đồng, có hiệu lực rút vốn hết ngày 31/12/2018 và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng này công bố.

Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn, có thời hạn là 9 năm kể từ năm 2016 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất, các khoản phải thu, quyền phát sinh có được theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn và 5.345.200 cổ phiếu của PSA sở hữu bởi Tổng công ty.

Chi phí lãi vay của khoản vay liên quan đến Dự án Nghi Sơn trước khi Dự án đi vào hoạt động được vốn hóa vào bất động sản đầu tư. Từ tháng 10 năm 2016, sau khi dự án Nghi Sơn đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn, bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	12,797,791,098	7,814,553,202
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,437,304,611	18,963,055,991
Thuế thu nhập cá nhân	3,204,904,696	3,024,128,711
Thuế, phí, lệ phí khác	340,859,971	-
	29,780,860,376	29,801,737,904

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 24 là một bộ phận một hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà Petro Vietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	866,001,240,000	133,918,052,614	-35,523,322,342	56,740,087,775	172,453,174,126	163,812,852,269	1,660,580,760,604
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16,861,274,457	113,081,223,363	129,942,497,820
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	(14,595,110,632)	-	-	-	-	(14,595,110,632)
Trích Quỹ	-	-	-	-	(2,406,053,671)	(15,267,255,570)	(17,673,309,241)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	34,080,000,000	-	(35,988,398,831)	(135,936,890,213)	(137,845,289,044)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	-	-	768,418,152	-768,418,152	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	866,001,240,000	133,918,052,614	-50,118,432,974	90,820,087,775	172,453,174,126	143,048,092,376	1,620,409,549,507
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20,787,048,137	89,850,808,169	110,637,856,306
Tăng vốn	-	-	-	-	3,400,000,000	-	3,400,000,000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1,257,867,041)	(7,506,615,160)	(8,764,482,201)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	100,000,000,000	-	(100,000,000,000)	-	-
Phát hành cổ phiếu, vốn góp thêm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	40,896,000,000	5,827,738,110	(143,085,264,061)	(96,361,525,951)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	59,912,225	225,970,601	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2019	866,001,240,000	133,918,052,614	-50,118,432,974	131,776,000,000	172,030,982,183	103,546,264,538	1,629,321,397,661

Chi tiêu Cổ phiếu Quỹ thể hiện giá trị cổ phiếu của Tổng Công ty đang được nắm giữ bởi Công ty con và Công ty Mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	86,600,124	86,600,124
+ Cổ phiếu phổ thông	86,600,124	86,600,124
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	1,590,310	1,590,310
+ Cổ phiếu phổ thông	1,590,310	1,590,310
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85,009,814	85,009,814
+ Cổ phiếu phổ thông	85,009,814	85,009,814

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300452060 điều chỉnh lần 18 ngày 23 tháng 5 năm 2016, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 866.001.240.000 đồng. Tại ngày cuối kỳ, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	209,738,510,000	24.22	209,738,510,000
Các cổ đông khác	656,262,730,000	75.78	656,262,730,000
	866,001,240,000	100	866,001,240,000

17. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 31/12/2018
	VND	VND
Vốn điều lệ	184,644,598,000	171,665,773,000
Vốn khác của chủ sở hữu	32,823,230,000	22,686,160,000
Quỹ đầu tư phát triển	7,366,690,987	7,080,808,161
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Lợi nhuận chưa phân phối	(51,633,536,804)	(57,214,648,785)
Cổ phiếu quỹ	(1,170,000,000)	(1,170,000,000)
	172,030,982,183	143,048,092,376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 1/1/2019 đến 30/9/2019</u>	<u>Từ 1/1/2018 đến 30/9/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19,056,016,226	43,096,857,465
Lãi chênh lệch tỷ giá	4,408,303,787	10,190,898,965
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4,494,105,075	
	<u>27,958,425,088</u>	<u>53,287,756,430</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 1/1/2019 đến 30/9/2019</u>	<u>Từ 1/1/2018 đến 30/9/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	52,546,378,275	68,115,436,596
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,784,984,356	8,160,759,552
Chi phí tài chính khác	4,816,514,462	
	<u>59,147,877,093</u>	<u>76,276,196,148</u>

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Từ 1/1/2019 đến 30/9/2019</u>	<u>Từ 1/1/2018 đến 30/9/2018</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	147,561,976,228	143,711,238,865
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng:	37,058,623,382	33,904,441,860
Các khoản điều chỉnh giảm	16,554,272,605	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	168,066,327,005	177,615,680,725
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33,613,265,401	35,523,136,145
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	3,310,854,521	
	<u>36,924,119,922</u>	<u>35,523,136,145</u>

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	89,850,808,169	92,683,703,302
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,588,667,719	1,467,539,060
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	85,009,814	86,122,448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>991</u>	<u>1,059</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2019	2018
	VND	VND
Bên mua hàng		
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18,344,583,817	26,546,576,475
Các công ty thành viên PVN	972,740,153,811	580,697,847,563
Bên bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.		
	2019	2018
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	34,780,628,239	99,059,687,364
Các công ty thành viên PVN	809,348,501,622	176,773,534,047

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được Công ty Kiểm toán PricewaterhouseCoopers Việt Nam kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.



Phạm Thị Ninh
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 10 năm 2019



Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM
2019 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2018**

Thực hiện theo thông tư 155/2015/TT-BTC, Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí giải trình biến động kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3 năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 như sau:

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất trong quý 3 đạt 30.03 tỷ giảm 6.73 tỷ tương ứng 18.32% so với cùng kỳ năm 2018, nguyên nhân chủ yếu là do trong kỳ doanh nghiệp có trích lập khoản dự phòng công nợ phải thu quá hạn theo thông tư 228/TT-BTC.

 **NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



TRƯỞNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Dào Văn Đại